

守備記録										先攻 (鶴岡東) (チームコード)										打撃記録																													
捕殺	刺殺	伊勢	失策	打席	位置	回	選手コード	選手名	打方	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	打席	打数	得点	安打	二打	三打	本打	盗打	盗塁	捕飛	四球	死球	三振	初出	残塁			
				1	2			19 工藤大輔 L	LX	0:1/0	2:2/0	3:1/3/1	4	5	6	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
				2	4			4 太尾建人 L	LX	1:1/0	2:2/0	3:1/3/1	4	5	6	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	TT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
				3	9			9 丸山 大 L	LX	2:1/0	3:2/0	4:1/3/1	5	6	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	FF	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
				4	3			3 佐藤 要 R	RAX	3:1/0	4:2/0	5:1/3/1	6	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	
				5	7			7 奈復 翼 R	R	4:1/0	5:2/0	6:1/3/1	7	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	TT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
				6	5			5 伊賀松飛翔 R	R	5:1/0	6:2/0	7:1/3/1	8	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	T	TT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
				7	2			2 岸 大輔 R	R	6:1/0	7:2/0	8:1/3/1	9	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
				8	1			17 小林一輝 R	R	7:1/0	8:2/0	9:1/3/1	10	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	4	F	FT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
				9	6			萩原 登人 R	R	8:1/0	9:2/0	10:1/3/1	11	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	3	F	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT						
				10						18	22/40	20/60	28/88	15	29	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11																							
				15						1	3/4	7/6	8/14	2/16	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11																								
				15						1/4/4	2/3/10/8	3/5/6/4	5/11/28/22	3/4/35/28	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	35/28	16/44	4/5	1/4	2/4	4																		

暴投 ボーク 捕逸 打撃妨害 走塁妨害	回 併 殺 (※は三重殺)	盗塁 盗塁刺 併殺打 妨害出塁 守備妨害
---------------------------------	---------------	----------------------------------

選手コード	選手名	勝負	完投	当初	完了	補回	回	打者	打数	球数	被安	被本	犠打	犠飛	与四	故四	与死	奪三	暴投	ボーク	失点	自責点	
先発	小林一輝	W	Y	0			5	26	23	91	9			1	1		1	3			5	5	
2																							
3																							
4																							
5																							
6																							

二 伊賀松飛翔

三 萩原登人

四 小林一輝

五 萩原登人

六 奈復 翼

本 丸山大 号①(中西 毅郎)

三 萩原登人 号③(")

四 佐藤 要 号④(")

五 佐藤 要 号②(阿部 雄大)

六 号①(")

